**ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN**

**KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM,**

**THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2025)**

*(Ban hành kèm Hướng dẫn số 03-HD/BTGDVTU, ngày 14/3/2025*

*của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy)*

**I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH**

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc Mỹ trở nên giàu có và hùng mạnh nhất thế giới tư bản, đứng ra giữ vai trò giám sát, can thiệp vào các vấn đề quốc tế để bảo vệ cho cả hệ thống đế quốc chủ nghĩa đã bị suy yếu nghiêm trọng và lâm vào khủng hoảng trước sự ra đời và lớn mạnh nhanh chóng của hệ thống xã hội chủ nghĩa với trụ cột là Liên Xô, Trung Quốc. Đây là nhân tố mới, làm thay đổi tương quan lực lượng toàn cầu, có lợi cho phong trào cách mạng thế giới; buộc Mỹ phải thực hiện chiến lược toàn cầu nhằm chống lại các trào lưu cách mạng, đàn áp và phá hoại phong trào độc lập dân tộc, ngăn chặn sự phát triển của chủ nghĩa xã hội, đồng thời tranh giành vị trí và ảnh hưởng với các đế quốc khác.

Với vị trí chiến lược quan trọng trong khu vực Đông Nam Á và trước sự tiến công mạnh mẽ của cách mạng Việt Nam, ảnh hưởng sâu sắc đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, là ngọn cờ tiêu biểu cho sự kết hợp các trào lưu cách mạng của thời đại; đế quốc Mỹ xác định Việt Nam là điểm nóng bỏng nhất, có vị trí sống còn trong tuyến ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản nên đã tích cực can thiệp vào chiến tranh Đông Dương ngay từ đầu những năm 50 thế kỷ XX. Một mặt, Mỹ ra tay giúp Pháp, mặt khác âm mưu thay thế Pháp để độc chiếm Đông Dương. Sau khi thực dân Pháp thua trận, Mỹ đã vi phạm trắng trợn Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, vội vã lập ra khối quân sự Đông Nam Á và hất cẳng Pháp, xâm chiếm miền Nam hòng đánh bại cách mạng Việt Nam, nhằm lập phòng tuyến ngăn chặn và đẩy lùi chủ nghĩa xã hội ở vùng Đông Nam Á, bao vây, uy hiếp và chặn đứng bước tiến của chủ nghĩa xã hội ở các nơi trên thế giới.

Về phía ta, mục tiêu độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa, xây dựng cuộc sống hòa bình, ấm no, hạnh phúc và phồn vinh là nguyện vọng thiêng liêng, là sự nghiệp chính nghĩa của toàn thể Nhân dân, cũng là mục tiêu cơ bản, lâu dài của cách mạng Việt Nam. Nhận thức rõ vị trí, tầm quan trọng của việc kết nối cách mạng nước ta với cách mạng thế giới, trước hết là với các nước xã hội chủ nghĩa, ngày 14/01/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố với các nước trên thế giới: *“Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hoà bình và xây đắp dân chủ thế giới”*[[1]](#footnote-1), từ đó Trung Quốc, Liên Xô và một loạt nước xã hội chủ nghĩa và dân chủ nhân dân đã ra tuyên bố công nhận Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thiết lập quan hệ ngoại giao, ủng hộ và viện trợ vật chất cho cuộc đấu tranh chính nghĩa của Nhân dân ta.

Với thắng lợi qua các chiến dịch và Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 của quân và dân ta mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ *“lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”* ngày 07/5/1954 đã buộc thực dân Pháp ngồi vào bàn đàm phán, ký Hiệp định Giơ-ne-vơ về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, rút quân khỏi nước ta, công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; tuy nhiên trong bối cảnh tình hình chính trị thế giới lúc bấy giờ, đất nước tạm thời bị chia cắt làm 2 miền, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới; miền Nam vẫn phải sống dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Với chân lý *“Không có gì quý hơn độc lập, tự do”,* *“Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”, “Nam Bộ là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam”*, toàn thể dân tộc Việt Nam trước sau như một đoàn kết đồng lòng, quyết đánh và quyết thắng đế quốc Mỹ trở thành tư tưởng lớn của thời đại, để hoàn thành cho kỳ được mục tiêu Tổ quốc thống nhất, đồng bào Nam - Bắc sum họp một nhà.

Chính vì vậy, *“nước Việt Nam ta trở thành nơi tập trung các mâu thuẫn cơ bản của thế giới và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta trở thành cuộc đọ sức điển hình, thành tiêu điểm của cuộc đấu tranh vô cùng quyết liệt giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới, là cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc mang tính chất thời đại rất sâu sắc”*[[2]](#footnote-2). Đó là nguồn gốc sâu xa, là nguyên nhân trực tiếp và cũng là bản chất của cuộc chiến tranh giữa nhân dân Việt Nam với đế quốc Mỹ xâm lược.

**II. CÁC GIAI ĐOẠN TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC CỦA DÂN TỘC**

**1. Giai đoạn từ tháng 7/1954 đến hết năm 1960**

Theo Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, việc ngừng bắn, tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực được thi hành trong vòng 300 ngày, sau hai năm sẽ thực hiện tổng tuyển cử để thống nhất đất nước. Tuy nhiên, ngay từ những ngày đầu tiên, đế quốc Mỹ, thực dân Pháp và chính quyền Ngô Đình Diệm tìm mọi cách phá hoại việc thi hành Hiệp định, cố tình khiêu khích, trì hoãn việc ngừng bắn trên các chiến trường; dụ dỗ và cưỡng ép gần 1 triệu đồng bào miền Bắc di cư vào Nam; tháo dỡ, mang đi hoặc phá hoại máy móc, dụng cụ, tài sản công cộng nhằm làm tê liệt, gây khó khăn cho ta trong việc tiếp quản vùng giải phóng ở miền Bắc; rải truyền đơn, tài liệu xuyên tạc chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhằm lung lạc quần chúng, gây hoang mang trong Nhân dân. Thông qua chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, Mỹ tập trung thực hiện chính sách “tố cộng, diệt cộng” đàn áp, khủng bố phong trào yêu nước, trả thù những người kháng chiến cũ, tiêu diệt cơ sở cách mạng ở miền Nam, ban hành Luật 10/59 biến miền Nam thành nhà tù, trại giam, trại tập trung, cách mạng miền Nam bị dìm trong biển máu.

Khi kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 mở rộng (tháng 7/1954) xác định *“Đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới, và hiện đang trở thành kẻ thù chính trực tiếp của nhân dân Đông Dương”[[3]](#footnote-3)*. Trước tình thế mới, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bố trí một số cán bộ, đảng viên ở lại miền Nam để lãnh đạo phong trào đấu tranh, đồng thời thực hiện việc chuyển quân, đưa hàng vạn con em, chiến sĩ, đồng bào, cán bộ ở miền Nam ra Bắc học tập, nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ phục vụ xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cũng như chuẩn bị lực lượng cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam và tái thiết đất nước sau chiến tranh; lãnh đạo quân và dân cả nước thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ vững mạnh của cách mạng cả nước và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam nhằm giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ.

Thực hiện nhiệm vụ trên, ở miền Bắc, Đảng ta tích cực chỉ đạo triển khai những biện pháp nhằm nhanh chóng ổn định, sớm tổ chức cuộc sống mới sau chiến tranh. Sau kế hoạch 3 năm (1955 - 1957) khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, kế hoạch 3 năm (1958 - 1960) cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng và củng cố miền Bắc thành cơ sở vững chắc cho đấu tranh thống nhất nước nhà, miền Bắc đã hoàn thành về cơ bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, căn bản xoá bỏ chế độ bóc lột, bước đầu xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội theo con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Ở miền Nam, cuộc đấu tranh diễn ra vô cùng khó khăn, ác liệt, nhưng Nhân dân ta vẫn một lòng theo Đảng, kiên cường, bất khuất chống áp bức, khủng bố, bảo vệ lực lượng cách mạng. Tháng 01/1959, Nghị quyết Trung ương 15 ra đời, chủ trương chuyển cách mạng miền Nam từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, khởi nghĩa giành chính quyền về tay Nhân dân; phản ánh đúng xu thế tất yếu của lịch sử, đáp ứng kịp thời yêu cầu, nguyện vọng của quần chúng nhân dân, là ngọn lửa dấy lên cao trào Đồng khởi (1959 - 1960) làm xoay chuyển tình thế cách mạng miền Nam, mở đầu những thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

**2. Giai đoạn từ năm 1961 đến giữa năm 1965**

Đầu năm 1961, Tổng thống Mỹ Kennơđi chính thức thông qua chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, thực chất là “dùng người Việt đánh người Việt” với công thức: lực lượng ngụy Sài Gòn cộng vũ khí, trang bị và cố vấn Mỹ. Mỹ dùng quân đội ngụy tay sai làm công cụ tiến hành chiến tranh, càn quét dồn dân vào ấp chiến lược, đưa 10 triệu nông dân miền Nam vào các trại tập trung, “Ấp chiến lược”, tách lực lượng cách mạng ra khỏi Nhân dân.

Để đối phó với chiến lược mới của địch, ngày 31/01/1961, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị “*về phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam*”. Ngày 15/02/1961, các tổ chức vũ trang miền Nam đã thống nhất thành “*Quân giải phóng miền Nam Việt Nam*”. Ở miền Bắc, thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, các phong trào thi đua sôi nổi “*Tất cả vì miền Nam ruột thịt*” ở khắp các địa phương, các cấp, các ngành đã đưa cách mạng miền Bắc trở thành căn cứ địa vững chắc, không ngừng tăng cường chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc đấu tranh của Nhân dân miền Nam chuyển sang giai đoạn mới, từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng, kết hợp song song đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, đánh địch bằng cả quân sự và chính trị, kết hợp ba mũi giáp công, trên cả ba vùng chiến lược, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ và tay sai.

Ngày 02/01/1963, chiến thắng Ấp Bắc (Mỹ Tho) đánh bại chiến thuật “trực thăng vận” và “thiết xa vận” của địch, với lực lượng đông hơn ta 10 lần, dấy lên phong trào “*Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công*”. Từ năm 1964 - 1965, quân và dân ta trên chiến trường miền Nam liên tiếp mở các chiến dịch tiến công, bẻ gãy nhiều cuộc hành quân càn quét của địch, làm nên những chiến thắng oanh liệt, như: Bình Giã (02/12/1964 - 03/01/1965), Ba Gia (28/5 - 20/7/1965), Đồng Xoài (11/5 - 22/7/1965)...

Ngày 05/8/1964, Mỹ cho không quân đánh phá miền Bắc, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc hòng ngăn chặn sự chi viện của “hậu phương lớn” miền Bắc cho “tiền tuyến lớn” miền Nam. Nhờ sự chuẩn bị từ trước, quân và dân ta đã kịp thời phát hiện, mưu trí, dũng cảm, đánh bại cuộc tiến công của địch.

Trước những thắng lợi vang dội của quân và dân ta ở cả hai miền Nam - Bắc, chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ đứng trước sự thất bại hoàn toàn, buộc đế quốc Mỹ phải ồ ạt đưa quân đội viễn chinh vào miền Nam Việt Nam để thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. Từ đây, cách mạng miền Nam chuyển sang giai đoạn mới.

**3. Giai đoạn từ giữa năm 1965 đến hết năm 1968**

Chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, đế quốc Mỹ sử dụng quân đội Mỹ làm lực lượng cơ động chiến lược để tìm diệt bộ đội chủ lực ta; dùng chính quyền, quân đội ngụy Sài Gòn để bình định, kìm kẹp Nhân dân, âm mưu đánh bại cách mạng miền Nam trong vòng 25 đến 30 tháng (từ giữa năm 1965 đến hết năm 1967); đồng thời, đế quốc Mỹ đẩy mạnh chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân.

Ngày 20/7/1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi cả nước, Người khẳng định quyết tâm của Nhân dân ta “*dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn*”[[4]](#footnote-4). Ngày 17/7/1966, trong Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước, Người khẳng định “*Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song Nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập tự do. Đến ngày thắng lợi, Nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn*”[[5]](#footnote-5).

Trên chiến trường miền Nam, quân và dân ta đã đánh thắng quân xâm lược Mỹ ngay từ những trận đầu khi chúng vừa đổ bộ vào. Tiếp theo những trận thắng oanh liệt ở Núi Thành, Vạn Tường, Plâyme, Bàu Bàng… quân và dân ta lại đánh bại ba cuộc hành quân lớn của Mỹ vào miền Đông Nam Bộ, đánh thắng lớn ở các chiến trường Tây Nguyên, miền Tây khu V, Đường 9, đồng bằng Nam Bộ và các mục tiêu chủ yếu của Mỹ ở các thành phố lớn. Ở miền Bắc, quân dân ta tiếp tục đánh trả cuộc tiến công của Mỹ bằng không quân và hải quân, giành những thắng lợi lớn trên nhiều mặt, bảo đảm giao thông thông suốt, chi viện sức người, sức của ngày càng lớn cho miền Nam. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 đã giáng một đòn quyết định vào chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Hội nghị Paris, mở ra cục diện mới vừa đánh vừa đàm.

1. **Giai đoạn từ năm 1969 đến năm 1973**

Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ bị phá sản, chúng thi hành chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, từng bước mở rộng chiến tranh sang Campuchia, Lào; thực hiện chiến tranh hủy diệt và nhiều âm mưu, thủ đoạn thâm độc nhằm giành dân, bóp nghẹt để làm suy yếu cuộc kháng chiến của Nhân dân ta trên cả hai miền Nam - Bắc. Quân và dân ta phối hợp với quân, dân Lào, Campuchia từng bước đánh bại chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ. Những thắng lợi của chiến tranh cách mạng ba nước Đông Dương trong hai năm 1970 - 1971 đã tạo thuận lợi cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta.

Nhờ chuẩn bị tốt lực lượng, nắm đúng thời cơ, quân và dân ta đã liên tiếp giành thắng lợi lớn trên chiến trường, nhất là cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai ra miền Bắc bằng máy bay B52 của Mỹ, làm nên chiến thắng oanh liệt *“Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không”*, thay đổi cục diện chiến trường, cục diện chiến tranh theo thế có lợi cho ta. Trong đàm phán, chúng ta cũng khôn khéo tiến công địch, phối hợp chặt chẽ giữa “đánh và đàm”, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Paris năm 1973 về kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình tại Việt Nam, rút hết quân Mỹ và quân các nước chư hầu Mỹ ra khỏi miền Nam nước ta, làm tương quan lực lượng thay đổi có lợi cho ta, tạo điều kiện cơ bản nhất để tiến tới “đánh cho ngụy nhào”, giành thắng lợi cuối cùng.

**5. Giai đoạn từ cuối năm 1973 đến năm 1975**

Sau khi ký Hiệp định Paris, mặc dù buộc phải rút hết quân nhưng đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục âm mưu dùng chính quyền, quân đội ngụy Sài Gòn làm công cụ chiến tranh. Mỹ tăng cường chi viện tiền của, vũ khí, phương tiện chiến tranh cho quân ngụy lấn đất, giành dân, khống chế Nhân dân, thực hiện các hoạt động ngoại giao xảo quyệt để ngăn chặn sự phát triển của cách mạng miền Nam. Đến tháng 5/1973, xu thế chống phá Hiệp định Paris của quân đội ngụy Sài Gòn ngày càng tăng.

Tháng 7/1973, Ban Chấp hành Trung ương Ðảng đã họp Hội nghị lần thứ 21, ra Nghị quyết “*Về thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền nam trong giai đoạn mới”,* trong đókhẳng định*“Con đường của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào, ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên”*[[6]](#footnote-6) và đề ra các nhiệm vụ lớn cho hai miền Nam - Bắc. Thắng lợi toàn Miền, nhất là của miền Đông Nam Bộ, đặc biệt là chiến thắng Phước Long cuối năm 1974 đầu năm 1975 càng cho thấy thực tế suy yếu của quân ngụy Sài Gòn và khả năng Mỹ khó đưa quân trở lại Việt Nam. Đảng ta nhận định thời cơ giải phóng miền Nam đã đến, quyết định tiến hành mở cuộc tiến công chiến lược nhằm giải phóng hoàn toàn miền Nam, đồng thời tiến hành giành lại chủ quyền trên các vùng biển, đảo và quần đảo phía Nam của Tổ quốc.

Sau khi hoàn thành chuẩn bị chiến lược cả về thế và lực, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 được tiến hành từ ngày 04/3/1975 với các chiến dịch: Chiến dịch Tây Nguyên mở đầu bằng trận đột phá chiến lược đánh chiếm Buôn Ma Thuột, giải phóng Tây Nguyên; hai chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng Sài Gòn - Gia Định với nhiều bước phát triển nhảy vọt.

***- Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (26/4 - 30/4/1975)***

Sau một tháng Tổng tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, liên tục, quân và dân ta đã giành được những thắng lợi to lớn, toàn diện cả về chính trị và quân sự. Trong khi đó, địch bị mất toàn bộ Quân khu 1, Quân khu 2, một nửa sinh lực của Quân đội Sài Gòn bị tiêu diệt, rơi vào tình thế đi đến tan rã hầu như không cứu vãn nổi. Chúng ra sức tổ chức lực lượng, tích cực phòng ngự, lấy việc bảo vệ Sài Gòn làm mục đích chiến lược để có thể làm điều kiện mặc cả đối với ta. Sau khi lần lượt tổ chức các tập đoàn phòng ngự từ xa nhưng đều bị ta đập tan; quân đội ngụy Sài Gòn tập trung xây dựng tuyến phòng thủ cuối cùng là Sài Gòn - Gia Định.

Từ nhận định dù Mỹ có chi viện cũng không cứu vãn được sự sụp đổ của quân ngụy, Bộ Chính trị quyết định mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy giải phóng Sài Gòn trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4/1975, trước mùa mưa, không thể để chậm. Ngày 07/4/1975, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Quân ủy Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh ra lệnh động viên *“Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa, tranh thủ thời gian từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng”[[7]](#footnote-7)*. Ngày 14/4/1975, theo đề nghị của Đảng ủy - Bộ Tư lệnh chiến dịch và Quân ủy Trung ương, Bộ Chính trị đồng ý chiến dịch giải phóng Sài Gòn lấy tên là “Chiến dịch Hồ Chí Minh”. Các lực lượng chiến lược của ta tham gia chiến dịch lịch sử gồm 4 quân đoàn (1,2,3,4) và Đoàn 232 (tương đương quân đoàn), các đơn vị binh chủng tăng - thiết giáp, đặc công, công binh, thông tin, pháo binh, không quân, hải quân với đầy đủ binh khí kỹ thuật cùng các đơn vị biệt động, bộ đội địa phương, dân quân du kích chuẩn bị tiến về giải phóng Sài Gòn - Gia Định.

17 giờ ngày 26/4/1975, quân ta được lệnh tổng công kích; 5 cánh quân đồng loạt tiến công trên 5 hướng: hướng Bắc - Quân đoàn 1 (Binh đoàn Quyết Thắng); hướng Tây Bắc - Quân đoàn 3 (Binh đoàn Tây Nguyên); hướng Đông Nam - Quân đoàn 2 (Binh đoàn Hương Giang); hướng Đông - Quân đoàn 4 (Binh đoàn Cửu Long); hướng Tây và Tây Nam - Đoàn 232 và Sư đoàn 8 (Quân khu 8), nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu trọng yếu của địch. Trước cuộc tiến công như vũ bão của quân và dân ta, 11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975, quân ta đánh chiếm Dinh Độc Lập, chính quyền ngụy Sài Gòn đầu hàng không điều kiện, cờ giải phóng phấp phới tung bay trên nóc tòa nhà chính của Dinh Độc Lập. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

***- Giành lại chủ quyền lãnh thổ trên các vùng biển, đảo, quần đảo phía Nam của Tổ quốc***

Cùng với giải phóng trên đất liền, Bộ Tổng Tư lệnh ra lệnh nghiên cứu thời cơ để giành lại chủ quyền các đảo, quần đảo do quân đội ngụy Sài Gòn chiếm đóng ở biển Đông, đây là phần lãnh thổ rất quan trọng, có vị trí chiến lược về quân sự và kinh tế không thể tách rời của Tổ quốc. Ngày 14/4/1975, các đơn vị ta nổ súng tiến công các đảo thuộc vùng biển phía Nam của Tổ quốc, trong đó có quần đảo Trường Sa, giành lại chủ quyền các đảo vào ngày 29/4/1975.

Từ ngày 30/4 đến đầu tháng 5/1975, bộ đội chủ lực và các lực lượng vũ trang tiến công, kết hợp với sự nổi dậy của quần chúng nhân dân đã giải phóng hoàn toàn các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, vùng biển, giải phóng Côn Đảo, Phú Quốc và các đảo ở vùng biển Tây Nam Tổ quốc.

**III. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA QUÂN VÀ DÂN HÀ TĨNH TRONG SỰ NGHIỆP CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC**

Trong 10 năm tiến hành cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, xây dựng hậu phương, chi viện cho tiền tuyến kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (từ năm 1965 - 1975), tỉnh Hà Tĩnh có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng: “*hậu phương của tiền tuyến miền Nam, tiền tuyến của hậu phương miền Bắc*”. Mặc dù phải đương đầu với những thử thách ác liệt, chịu đựng những tổn thất, hy sinh to lớn, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân và dân Hà Tĩnh đã nêu cao ý chí tự lực tự cường, vươn lên mạnh mẽ với tinh thần “*Xe chưa qua, nhà không tiếc*”, “*Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người*”, “*Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*”. Toàn tỉnh đã nở rộ phong trào “*Thanh niên ba sẵn sàng*”, “*Phụ nữ ba đảm đang*”, sản xuất giỏi, chiến đấu và phục vụ chiến đấu giỏi. Hà Tĩnh là địa bàn trọng điểm đánh phá của đế quốc Mỹ.

Từ đầu năm 1963, đế quốc Mỹ đã tổ chức nhiều toán gián điệp biệt kích xâm nhập địa bàn tỉnh Hà Tĩnh để điều tra, nắm các hoạt động của ta như chuyển quân, vận tải lượng thực, vũ khí, xây dựng các công trình quốc phòng... chuẩn bị cho kế hoạch đánh phá miền Bắc. Với tinh thần cảnh giác và sẵn sàng chiến đấu cao, lực lượng vũ trang tỉnh và quần chúng Nhân dân đã phát hiện bắt gọn và tiêu diệt hầu hết các toán gián điệp biệt kích của địch, riêng trong năm 1963 lực lượng vũ trang nhân dân xã Sơn Giang, huyện Hương Sơn và lực lượng vũ trang nhân dân xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Xuyên đã bắt gọn và tiêu diệt hai toán biệt kích 14 tên, thu toàn bộ vũ khí, trang bị.

Để mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc, đế quốc Mỹ đã sử dụng tối đa mọi phương tiện chiến tranh hiện đại đánh vào hậu phương của cả nước, nhằm ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam, Hà Tĩnh là một trong những trọng điểm đánh phá của đế quốc Mỹ, nhiều nơi chúng tập trung đánh phá có tính chất hủy diệt như: Ngã ba Đồng Lộc, núi Nài, phà Linh Cảm, phà Bến Thủy, ngã ba Thình Lình... với tinh thần cảnh giác và anh dũng trong chiến đấu quân và dân Hà Tĩnh đã bắn rơi 267 máy bay các loại, bắn chìm, bắn cháy 34 tàu chiến, tiêu diệt và bắt sống nhiều giặc lái. Trong đó trận phục kích đánh máy bay Mỹ bảo vệ trạm ra đa núi Nài ngày 26/3/1965 quân và dân Hà Tĩnh đã lập nên một chiến công vang dội. Đây là một trận chiến đấu không cân sức giữa một bên là lực lượng vũ trang nhân dân trang bị vũ khí thô sơ, một bên là không quân Mỹ với phương tiện chiến tranh hiện đại, nhưng với lòng dũng cảm, mưu trí và sáng tạo, ta đã bắn rơi 4 máy bay Mỹ. Chiến thắng núi Nài ngày 26/3/1965 đã cổ vũ mạnh mẽ khí thế quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ của quân và dân ta, tạo tiền đề vững chắc cho lực lượng vũ trang Hà Tĩnh lập công xuất sắc trong những trận đánh trả máy bay, tàu chiến, tàu biệt kích Mỹ ở giai đoạn sau này.

Ngoài nhiệm vụ chiến đấu, các lực lượng vũ trang địa phương còn huy động hàng chục vạn ngày công cùng với các lực lượng giao thông, thanh niên xung phong, dân công hoả tuyến đào đắp hàng triệu khối đất, đá để san lấp hố bom, khắc phục cầu đường; mở nhiều tuyến đường mới với chiều dài hơn 500km, sửa chữa 654km đường bị đánh phá, rà phá được gần 50.000 quả bom, mìn các loại, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ bảo đảm giao thông vận tải trên địa bàn, giữ vững mạch máu giao thông, chi viện kịp thời cho các chiến trường đánh Mỹ.

Bên cạnh đó, nhiều đơn vị bộ đội Hà Tĩnh đã tình nguyện lên đường làm nhiệm vụ quốc tế ở các tỉnh Khăm Muồn và Bôlykhămxay của nước bạn Lào. Các đơn vị bộ đội Hà Tĩnh đã cùng với lực lượng vũ trang của bạn đánh 210 trận, giết 1750 tên địch, gọi hàng 350 tên, phá hủy 37 xe cơ giới bắn rơi 30 máy bay, giải phóng 54 làng bản, góp phần mở rộng vùng giải phóng ở khu vực Trung Hạ Lào và đưa cuộc kháng chiến của nhân dân Lào đến toàn thắng.

Trong kháng chiến chống Mỹ, Hà Tĩnh đã bổ sung một lực lượng lớn cho quân đội gồm 9 vạn thanh niên nam, nữ, chiếm hơn 10% tổng dân số. Riêng trong quý I năm 1975 lực lượng vũ trang và toàn dân đã huy động 3 trung đoàn, 2 tiểu đoàn, 5 đại đội, với 8.091 cán bộ, chiến sỹ và 14.901 tân binh lên đường vào Nam tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh, góp phần làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975.

Trong kháng chiến giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tỉnh Hà Tĩnh đã có rất nhiều tấm gương chói ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nhiều tên đất, tên làng đã ghi dấu chiến công vào lịch sử của quê hương, đất nước. Tiêu biểu có đội nữ dân quân xã Kỳ Phương (Kỳ Anh), núi Nài (Thành phố Hà Tĩnh)… Các anh hùng: Phan Đình Giót, Dương Chí Uyển, La Thị Tám, Vương Đình Nhỏ, Nguyễn Xuân Lực… đặc biệt Tiểu đội 4 - Đại đội 552 Thanh niên xung phong (10 cô gái thanh niên xung phong ở ngã 3 Đồng Lộc) đã trở thành biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tô thắm truyền thống anh hùng của quê hương Hà Tĩnh và dân tộc Việt Nam.

Những thắng lợi to lớn giành được trong thời thời kỳ 1965 - 1975 chứng tỏ Nhân dân Hà Tĩnh kiên cường trong chiến đấu, đảm bảo giao thông phục vụ đắc lực cho chiến trường miền Nam; dũng cảm, cần cù, sáng tạo trong lao động xây dựng quê hương, góp phần xứng đáng cho công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc và tiếp tục đưa Hà Tĩnh phát triển trong giai đoạn mới.

**IV. Ý NGHĨA LỊCH SỬ, NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

**1. Ý nghĩa lịch sử**

Thắng lợi của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thành quả vĩ đại nhất trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo; là trang sử hào hùng và chói lọi trên con đường dựng nước và giữ nước mấy nghìn năm của dân tộc. Chúng ta đã hoàn thành được sứ mệnh lịch sử vẻ vang là giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, mở ra kỷ nguyên mới của dân tộc - kỷ nguyên của độc lập, thống nhất và cùng nhau xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đây cũng là thắng lợi tiêu biểu của lực lượng cách mạng thế giới; góp phần thúc đẩy mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì mục tiêu độc lập, hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội; cổ vũ, động viên, khích lệ các dân tộc đang tiến hành công cuộc giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa đế quốc, mở đầu sự phá sản của chủ nghĩa thực dân mới trên toàn thế giới. Đánh giá về tầm vóc thắng lợi của sự kiện lịch sử này, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976) khẳng định: “*Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và tính thời đại sâu sắc”*[[8]](#footnote-8)*.*

**2. Nguyên nhân thắng lợi**

Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bắt nguồn từ những nguyên nhân chủ yếu:

Một là, sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Bác Hồ kính yêu với đường lối chính trị, quân sự, độc lập, tự chủ đúng đắn, sáng tạo, phương pháp đấu tranh linh hoạt, phù hợp với mỗi giai đoạn của cuộc kháng chiến.

Hai là, tinh thần chiến đấu kiên cường, anh dũng của quân và dân cả nước, đã vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, hy sinh, lập nên những chiến công oanh liệt, *“đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”*.

*Ba là,* sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thống nhất ý chí và hành động; của lòng yêu nước nồng nàn - khát vọng hòa bình, độc lập, tự do và thống nhất đất nước của đồng bào ta.

Bốn là, lòng trung thành tuyệt đối và tinh thần quyết chiến, quyết thắng của các Lực lượng vũ trang nhân dân với sự chỉ huy thao lực của các vị Tướng lĩnh tài ba.

Năm là, tình hữu nghị và sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn, hiệu quả của bạn bè quốc tế, của liên minh chiến đấu giữa ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia, sự ủng hộ của nhân dân và các lực lượng yêu chuộng hoà bình, tiến bộ trên thế giới.

**3. Bài học kinh nghiệm**

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cũng giúp toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đúc kết những bài học kinh nghiệm quý báu, đó là: **(1)** Kiên định quyết tâm, quyết đánh, quyết thắng đế quốc Mỹ xâm lược; **(2)** Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đúng đắn, sáng tạo, độc lập, tự chủ; **(3)** Nghệ thuật tiến hành chiến tranh nhân dân sáng tạo; **(4)** Tổ chức lực lượng cả nước đánh giặc; **(5)** Căn cứ địa cách mạng, hậu phương kháng chiến vững chắc; **(6)** Đoàn kết, liên minh với nhân dân Lào, nhân dân Campuchia; **(7)** Đoàn kết quốc tế, phát huy sức mạnh của thời đại; **(8)** Bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người.

**V. THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN 50 NĂM GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC - TIỀN ĐỀ CHO KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC**

**1. Thành tựu của đất nước**

**1.1.** Sau khi đất nước thống nhất, nước ta phải đối mặt với những hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh để lại. Một sự kiện quan trọng diễn ra sau ngày miền Nam giải phóng là cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc, giữ vững độc lập, chủ quyền, lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc; đồng thời, làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả. Trong đó, cuộc chiến tranh ở biên giới Tây Nam do tập đoàn phản động Pôn Pốt - Iêng Xari ở Campuchia gây ra ngay sau khi Việt Nam vừa mới giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam của Việt Nam chỉ kéo dài 2 năm (từ năm 1977 đến 1979) nhưng hậu quả kinh tế, xã hội của nó khá nặng nề đối với Việt Nam. Cuối những năm 70, đầu những năm 80 của thế kỷ XX, khủng hoảng kinh tế - xã hội diễn ra gay gắt, tỉ lệ lạm phát có lúc lên đến 774,7%, đời sống Nhân dân hết sức khó khăn, thiếu lương thực triền miên, khoảng ¾ dân số sống ở mức nghèo khổ.

Phát huy tinh thần yêu nước, tự lực tự cường cùng ý chí quyết tâm, bản lĩnh, sáng tạo vượt qua mọi khó khăn, thách thức, nắm bắt thuận lợi, thời cơ; sau gần 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo nhiều dấu ấn nổi bật.

**- Về chính trị**: Việt Nam giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữ vững vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, bảo đảm vai trò quản lý hiệu quả của Nhà nước, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của Nhân dân; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do Đảng lãnh đạo tiếp tục được hoàn thiện; có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ, kiểm soát hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp dưới sự giám sát của Nhân dân.

**- Về kinh tế:** Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ. Quy mô nền kinh tế năm 2023 đạt 433,7 tỷ USD, đứng thứ 35 trên thế giới, đứng thứ 5 trong ASEAN, GDP bình quân đầu người đạt 4.323 USD, gấp 58 lần sau ba thập kỷ, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 58% năm 1993 xuống còn 2,93% năm 2023. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm, duy trì tăng trưởng kinh tế khá cao so với khu vực và thế giới. Năng suất lao động liên tục tăng, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao rõ rệt.

Năm 2024, tăng trưởng cả năm đạt 7,09% (thuộc nhóm số ít các nước có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới); kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát dưới 4%, các cân đối lớn được bảo đảm và có thặng dư. Quy mô GDP theo giá hiện hành ước đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 476,3 tỷ USD; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành ước đạt 114 triệu đồng/người, tương đương 4.700 USD; năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 221,9 triệu đồng/lao động. Giá trị thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2024 đạt 507 tỷ USD, xếp thứ 32/193, tăng 1 bậc so với năm 2023. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 786,29 tỷ USD tăng 15,4%, xuất siêu 24,77 tỷ USD, là năm thứ 9 liên tiếp xuất siêu. Thu NSNN ước cả năm đạt 2.037,5 nghìn tỷ đồng tăng 19,8% so với dự toán. Đầu tư phát triển đạt kết quả tích cực. Nhiều công trình giao thông quan trọng, quy mô lớn được đầu tư, nâng cấp, bảo đảm kết nối giữa các trung tâm kinh tế lớn, các vùng miền trong cả nước và giao thương quốc tế. Việt Nam nằm trong nhóm 15 nước đang phát triển thu hút FDI lớn nhất thế giới với 38,23 tỷ USD đăng ký, vốn thực hiện đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4%, cao nhất trong nhiều năm qua; khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam ước đạt 17,6 triệu lượt, tăng 39,5% so với năm 2023. Cơ cấu nền kinh tế chuyển dịch tích cực: kinh tế số, kinh tế xanh đóng vai trò ngày càng quan trọng. Các lĩnh vực chủ yếu đều tăng trưởng, trong đó công nghiệp phục hồi tích cực, là động lực quan trọng, dẫn dắt tăng trưởng.

**- Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế**... đều có sự phát triển vượt bậc, định hình hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam. Đến nay có gần 99% số người lớn Việt Nam biết đọc, biết viết, số sinh viên đại học, cao đẳng tăng gần 20 lần, phổ cập giáo dục trung học cơ sở từ năm 2014... Tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước được nâng lên. Chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội; chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách người có công, chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài... được thực hiện đồng bộ, đạt kết quả tích cực. Sức khỏe của Nhân dân được quan tâm chăm sóc; việc khám, chữa bệnh tiếp cận được nhiều kỹ thuật tiên tiến trên thế giới.

Năm 2024, an sinh xã hội được tập trung bảo đảm; đời sống người dân được cải thiện. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,93%. Theo xếp hạng của Liên hợp quốc, chỉ số hạnh phúc năm 2024 của Việt Nam tăng 11 bậc, xếp thứ 54/143. Chất lượng khám, chữa bệnh từng bước được nâng lên; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng từ 90,2% năm 2020 lên 94,1% năm 2024. Chất lượng giáo dục các cấp được cải thiện. Ứng dụng khoa học - công nghệ được tăng cường; hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo được hình thành và phát triển. Chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên ; lực lượng lao động, tỷ lệ lao động có việc làm tăng. Các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng được ưu tiên, chú trọng; công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em, giáo dục thanh, thiếu niên, phát huy vai trò người cao tuổi, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, thông tin truyền thông... được tăng cường. Chỉ số phát triển bền vững (SDGs) của Việt Nam năm 2024 xếp thứ 54/166, tăng 1 bậc so với năm 2023.

**- Về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc:** Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc và lợi ích quốc gia - dân tộc tiếp tục được bảo vệ vững chắc; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh; tiềm lực quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường trên nhiều mặt. Xây dựng thế trận lòng dân gắn với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Quân đội nhân dân và Công an nhân dân được xây dựng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, vững mạnh về chính trị, là lực lượng nòng cốt để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Hình thành thế trận an ninh nhân dân, bố trí chặt chẽ từ Trung ương đến cơ sở; xây dựng công an cấp xã, lực lượng tham gia bảo vệ trật tự, an ninh, đưa công an nhân dân gần dân, sát dân để phục vụ. Có đối sách, giải pháp phù hợp, xử lý kịp thời, có hiệu quả các tình huống, không để xảy ra bị động, bất ngờ, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước.

**- Về đối ngoại:** Hội nhập quốc tế ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả, đạt nhiều thành tựu quan trọng, có ý nghĩa chiến lược và lâu dài, tạo cục diện đối ngoại mới, rộng mở, thuận lợi cho an ninh và phát triển, nâng cao vị thế đất nước, thể hiện vai trò tiên phong trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động nguồn lực bên ngoài cho phát triển đất nước. Nâng cấp, nâng tầm quan hệ với các đối tác chủ chốt, các nước lớn; đảm nhiệm thành công nhiều trọng trách quốc tế; đề xuất nhiều sáng kiến, giải pháp tại các cơ chế hợp tác đa phương quan trọng. Ngoại giao kinh tế được đẩy mạnh, khai thác hiệu quả các cơ hội hợp tác kinh tế. Mở rộng, làm sâu sắc thêm quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia, vùng lãnh thổ, trong đó có 3 nước quan hệ đặc biệt, 9 nước đối tác chiến lược toàn diện, 19 nước đối tác chiến lược (bao gồm cả 9 nước đối tác chiến lược toàn diện) và 13 nước đối tác toàn diện, trong đó đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện hoặc đối tác chiến lược với tất cả 5 nước Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; mở rộng quan hệ kinh tế - thương mại với 230 quốc gia và vùng lãnh thổ. Việt Nam đã và đang thể hiện tốt vai trò là bạn, là đối tác tin cậy trong cộng đồng quốc tế; có nhiều sáng kiến, đề xuất, chủ động, tích cực tham gia có hiệu quả vào các hoạt động của ASEAN, tổ chức Liên hợp quốc và nhiều tổ chức quốc tế khác.

**1.2.** Sau giải phóng, là vùng đất đã trải qua hơn 20 năm du nhập lối sống Mỹ nên vấn đề tệ nạn xã hội ở Nam Bộ khá nan giải với số lượng lớn người thất nghiệp, thương, phế binh, người nhập cư, người nghiện ma túy, trẻ mồ côi, người ăn xin, cờ bạc buôn lậu… Khắc phục khó khăn để vươn lên cùng cả nước, sau 50 năm, Nam Bộ đã đạt được nhiều khởi sắc, cơ cấu kinh tế các vùng tiếp tục chuyển dịch tích cực; giá trị văn hóa các dân tộc được bảo tồn, kế thừa và phát huy, một số di tích văn hoá lịch sử được tu bổ, tôn tạo; hệ thống giáo dục, đào tạo được quan tâm đầu tư, mạng lưới y tế được củng cố; bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo vệ nguồn nước được chú trọng, quốc phòng - an ninh được giữ vững, đời sống Nhân dân ngày được nâng cao, trong đó tốc độ tăng trưởng GRDP các vùng của Nam Bộ những năm gần đây đạt mức khá.

Riêng với Thành phố Hồ Chí Minh, vinh dự mang tên Bác từ năm 1976, Thành phố đã bứt phá mạnh mẽ, đạt được nhiều kết quả quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực. Đặc biệt, với quy mô và tiềm lực vượt trội, Thành phố Hồ Chí Minh đã cùng cả nước vượt qua nhiều cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, từng bước phát triển theo chiều sâu dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khoẻ Nhân dân, phát triển văn hoá, xã hội đạt nhiều kết quả quan trọng; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng nâng lên, sớm xác lập và giữ vững vai trò đầu tàu, trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước và ngày càng có vị trí quan trọng trong khu vực Đông Nam Á.

**2.** **Những thành tựu của Hà Tĩnh**

Giai đoạn 1976 - 1991 tỉnh Nghệ Tĩnh hợp nhất Nghệ An và Hà Tĩnh thành tỉnh Nghệ Tĩnh đã phát huy sức mạnh tổng hợp khối đại đoàn kết tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống Nhân dân, bên cạnh những kết quả đạt được, nhất là việc huy động nhân tài, vật lực để xây dựng và phát triển, đã phát sinh không ít khó khăn.

Nền kinh tế có quy mô nhỏ, phân tán, tự cung, tự cấp. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, đặc biệt ở các ngành có thế mạnh như nông, lâm, thủy hải sản. Tình trạng mất cân đối lớn giữa sản xuất và đời sống, giữa sản xuất và lưu thông, giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa hàng và tiền, giữa các vùng, miền…, làm cho sản xuất trên nhiều lĩnh vực trì trệ, hiệu quả thấp, kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ Tĩnh dần lâm vào tình trạng khủng hoảng, đời sống Nhân dân gặp nhiều khó khăn.

 Năm 1991, sau 15 năm hợp nhất với Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh có 09 đơn vị hành chính *(gồm 08 huyện, 01 thị xã[[9]](#footnote-9) với 259 đơn vị hành chính cấp xã)*, Tỉnh lỵ đặt tại Thị xã Hà Tĩnh. Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh khi được tái lập có 60.712 đảng viên *(chiếm 5% dân số)*, 760 tổ chức cơ sở đảng, trong đó có khoảng 90% là tổ chức cơ sở đảng vững mạnh và khá.

 *Trong 5 năm 1991 - 1995,* thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nghị
quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh khoá XIII, với tinh thần tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo, cùng với sự giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của Trung ương, Đảng bộ và Nhân dân Hà Tĩnh đã giành được nhiều thành quả quan trọng. Tốc độ tăng trưởng (GDP) bình quân hàng năm đạt 11,3%, nâng thu nhập bình quân đầu người đạt 149 USD (1995). Giai đoạn 1996 - 2000, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 7,05%; thu nhập bình quân đầu người tăng gấp 1,5 lần, tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp trong GDP từ 63,5% xuống còn 51%, tăng giá trị công nghiệp, xây dựng từ 10,7% lên 14%, dịch vụ từ 25,8% lên 35%; sản xuất lương thực đạt 46 vạn tấn, bình quân đầu người 370kg, mức cao nhất trong 6 tỉnh Bắc Trung bộ.

Từ sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI (2006 - 2010), Hà Tĩnh thực sự
chuyển mình, mục tiêu “xây dựng Hà Tĩnh từ một tỉnh nông nghiệp sớm trở thành
tỉnh có công nghiệp - dịch vụ phát triển” đạt nhiều kết quả tích cực, kinh tế phát triển nhanh; văn hóa - xã hội chuyển biến tích cực; quốc phòng - an ninh được đảm bảo; quan hệ hợp tác đối ngoại ngày càng mở rộng, phát huy hiệu quả; công tác xây dựng Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị được tăng cường. Nhờ thu hút đầu tư đột phá trong lĩnh vực công nghiệp đã tạo “cú hích” đưa kinh tế Hà Tĩnh tăng trưởng cao liên tục trong nhiều năm, riêng giai đoạn 2011 - 2015 tăng trưởng bình quân trên 18%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

*Nhiệm kỳ 2015 - 2020,* mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực
lớn, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị và toàn dân, Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã giành được kết quả khá toàn diện trên các lĩnh vực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 6,75% (thuộc nhóm 20 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng (tỷ trọng nông nghiệp còn 12,2%, công nghiệp - xây dựng 45,5%, dịch vụ 42,3%). Toàn tỉnh có trên 7.500 doanh nghiệp, gần 6 vạn hộ kinh doanh; thu hút được trên 1.300 dự án đầu tư trong và ngoài nước với tổng vốn đăng ký trên 370.000 tỷ đồng tương đương trên 16 tỷ USD; là tỉnh đứng thứ 9 cả nước về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với trên 70 dự án có tổng vốn đầu tư gần 13 tỷ USD. Hà Tĩnh có 17 nước và vùng lãnh thổ vào đầu tư. Tỉnh có 02 khu kinh tế (Khu kinh tế Vũng Áng, KKT Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo); 25 khu, cụm công nghiệp; có Cụm cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương với 59 cầu cảng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch là một trong ba đầu mối giao thương biển quốc tế của Việt Nam thiết kế cho tàu có tải trọng lên đến 20 - 30 vạn tấn. Theo định hướng phát triển, Khu kinh tế Vũng Áng được quy hoạch xây dựng trung tâm logistics tại Vũng Áng - Sơn Dương là trung tâm Logistics hạng I cấp quốc gia và quốc tế.

Trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, Hà
Tĩnh đã có nhiều cách làm sáng tạo, đạt được những kết quả tích cực, trở thành phong trào sâu rộng, bền vững của toàn dân. Lĩnh vực văn hóa - xã hội phát triển toàn diện. Giáo dục - đào tạo đạt kết quả nổi bật, nhất là tỷ lệ học sinh giỏi quốc gia. Thể thao đạt nhiều thành tích cao trong các giải đấu trong nước, quốc tế. Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được tăng cường. Công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội đạt được kết quả rõ nét; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 4,53%, gần bằng bình quân cả nước. Hợp tác đối ngoại tiếp tục phát huy hiệu quả. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững...

Công tác xây dựng Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị được tăng
cường và đi vào chiều sâu. Tỉnh đã tập trung thực hiện có hiệu quả các chủ trương,
nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, trọng tâm là thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII gắn với thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về sắp xếp, tinh gọn bộ máy. Đến hết năm 2019, tỉnh đã hoàn thành việc sắp xếp 80 đơn vị hành chính cấp xã (theo tinh thần Nghị quyết số 37 của Bộ Chính trị), hình thành 34 xã mới, giảm 46 xã. Toàn tỉnh có 216 xã; các đơn vị hành chính cấp xã sau sáp nhập hoạt động ổn định và đã tổ chức thành công đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX...

*Nhiệm kỳ 2020 - 2025,* được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Trung ương, phát huy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng, giá trị văn hóa và sức mạnh con người Hà Tĩnh, tỉnh đã thực hiện khá hiệu quả “mục tiêu kép”, khắc phục khó khăn, thích ứng an toàn, linh hoạt với dịch Covid-19, từng bước phục hồi kinh tế, lấy lại đà tăng trưởng, văn hóa - xã hội đạt kết quả toàn diện, quốc phòng - an ninh được giữ vững, hoạt động đối ngoại được tăng cường, công tác xây dựng Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị đạt kết quả tích cực.

Giai đoạn 2021 - 2025 tăng trưởng kinh tế ước đạt gần 6%/năm. Tổng thu
ngân sách ước đạt 88.500 tỷ đồng, gấp 1,6 lần giai đoạn 2016 - 2020, tăng bình quân 8%, tăng tỷ trọng thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong cơ cấu thu nội địa. Quy mô nền kinh tế (GRDP) tăng gấp 1,5 lần, GRDP bình quân đầu người tăng từ 63,6 triệu đồng lên 91 triệu đồng; thu nhập bình quân đầu người tăng từ 38,8 triệu đồng lên 53 triệu đồng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng nông nghiệp còn 13,4%, công nghiệp - xây dựng 41,9%, dịch vụ 44,7%. Cơ cấu lao động chuyển dịch từ khu vực nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ. Năm 2024, tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư 20 dự án có tổng vốn gần 15.300 tỷ đồng; khởi công dự án VSIP tại huyện Thạch Hà giai đoạn 1 số vốn đầu tư 65 triệu USD; khởi động dự án Nhà máy sản xuất ô tô điện VinFast số vốn đầu tư 7.300 tỷ đồng; dự án Khu công nghiệp Vinhomes Vũng Áng quy mô sử dụng đất 965 ha với tổng vốn đầu tư hơn 13.200 tỷ đồng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Thành lập mới 1.250 doanh nghiệp, nâng tổng số doanh nghiệp toàn tỉnh lên gần 12.500*.* Các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đang dần được “lấp đầy” với nhiều nhà máy được xây dựng và đi vào hoạt động, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

Chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh đạt được nhiều kết quả tích cực. Đến nay toàn tỉnh có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới, có 65 xã nông thôn mới nâng cao, 17 xã nông thôn mới kiểu mẫu; 9/12 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Công tác cải cách hành chính có nhiều chuyển biến tích cực. Hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, dữ liệu số tiếp tục được quan tâm đầu tư, từng bước hoàn thiện theo hướng hiện đại, đảm bảo phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc và phục vụ tốt cho người dân, doanh nghiệp. Kết cấu hạ tầng giao thông được triển khai thực hiện đồng bộ; các dự án trọng điểm của cả nước đoạn đi qua địa bàn tỉnh Hà Tĩnh được tập trung chỉ đạo quyết liệt, đảm bảo và vượt tiến độ Trung ương giao như dự án: Đường điện 500kV mạch 3 (Đoạn Quảng Trạch - Phố Nối đi qua 9 tỉnh, trong đó đoạn đi qua Hà Tĩnh có quy mô lớn nhất trong các tỉnh) bàn giao đúng tiến độ; Tuyến cao tốc Bắc - Nam đoạn qua Hà Tĩnh dài 107,28 km dần được hoàn thành Chủ động, đi trước trong xây dựng và triển khai Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Lĩnh vực văn hóa, thể thao đạt thành tích nổi bật. Công tác bảo tồn giá trị di sản văn hóa tiếp tục được quan tâm; có thêm 6 di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng cấp quốc gia, Mộ và nhà thờ Lê Hữu Trác được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt. Đã tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm 120 năm ngày sinh Tổng Bí thư Trần Phú, 110 năm ngày sinh đồng chí Lý Tự Trọng, 10 năm Dân ca Ví, Giặm được UNESCO vinh danh; tổ chức kỷ niệm 300 năm Ngày sinh Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác và lễ đón nhận bằng vinh danh của UNESCO. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh đạt kết quả tốt. Thể thao thành tích cao tiếp tục được đầu tư, giành nhiều huy chương; thể thao quần chúng phát triển mạnh. Giáo dục - đào tạo đạt kết quả khá toàn diện. Tiếp tục thực hiện lộ trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; triển khai Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Chất lượng giáo dục đại trà chuyển biến tích cực; giáo dục mũi nhọn đạt kết quả cao. Phổ cập giáo dục được duy trì vững chắc. Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các tuyến; tiếp cận được nhiều dịch vụ kỹ thuật chuyên sâu, dịch vụ tuyến Trung ương, nhiều kỹ thuật mới và hiện đại được chuyển giao cho các bệnh viện, góp phần giảm tải bệnh viện tuyến trên. Các chính sách an sinh xã hội được triển khai hiệu quả. Quan tâm chính sách người có công, hàng năm chi trả gần 1.000 tỷ đồng cho các đối tượng, xử lý dứt điểm hồ sơ tồn đọng. Ban hành chính sách hỗ trợ thu nhập cho người có công thuộc hộ nghèo; hoàn thành mục tiêu không còn người có công thuộc hộ nghèo. Đến nay, tỉnh đã huy động xã hội hóa xây dựng 105 nhà văn hóa cộng đồng và hơn 8.000 nhà ở kiên cố cho hộ nghèo và gia đình chính sách; hoàn thành chương trình hỗ trợ 1.000 nhà ở của Bộ Công an và tiếp nhận hỗ trợ gần 700 nhà ở của Bộ Quốc phòng và các doanh nghiệp cho chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát. Quỹ khuyến học nhận hỗ trợ thêm 63 em hoàn cảnh khó khăn học đại học, nâng tổng hỗ trợ lên 426 em học đại học, trong đó, tỉnh hỗ trợ 275 em, các huyện hỗ trợ 151 em, với mức hỗ trợ 100 - 150 triệu đồng/em trong suốt 4 - 5 năm học Đại học.

Chú trọng ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số. Triển khai tốt các nhiệm vụ, dự án khoa học công nghệ cấp quốc gia, cấp tỉnh. Nghiên cứu đầu tư Trung tâm điều hành, giám sát an toàn, an ninh mạng; hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh; hoàn thiện tốt các hệ thống cơ sở dữ liệu kết nối quốc gia.

Tích cực, chủ động nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại. Thắt chặt mối quan hệ hữu nghị truyền thống với các tỉnh của nước bạn Lào. Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, đại sứ quán các nước tại Việt Nam và cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài để mở rộng hợp tác quốc tế, kêu gọi, thu hút đầu tư. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được quan tâm.

Thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nghiêm túc, kịp thời, đảm bảo thiết thực, hiệu quả. Tiếp tục triển khai hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW, Kết luận số 01- KL/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đào tạo, bồi dưỡng lý luận cho cán bộ, đảng viên, nhân dân được quan tâm đổi mới theo hướng sát nhiệm vụ chính trị và xu thế phát triển. Tổ chức các sự kiện chính trị trọng đại của quê hương, đất nước, tạo ấn tượng tốt đẹp về văn hóa và con người Hà Tĩnh với bạn bè trong nước, quốc tế. Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII, khóa XIII, Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” được quan tâm. Việc tinh gọn bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” nhằm xây dựng hệ thống chính trị thật sự tinh gọn, mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay được chỉ đạo thực hiện quyết liệt theo các văn bản chỉ đạo của Trung. Việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các bước theo quy trình quy định tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân. Sau sắp xếp, Hà Tĩnh có 12 đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó có 01 thành phố (Hà Tĩnh), 02 thị xã (Hồng Lĩnh, Kỳ Anh) và 09 huyện, giảm 01 huyện (Lộc Hà).

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức nhiều giải pháp đồng bộ, thiết thực
nâng cao nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Nêu cao vị trí, vai trò, ý nghĩa, tác dụng của công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng đối với việc củng cố, xây dựng, chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; khắc phục tình trạng hình thức, chiếu lệ, tăng sự chủ động, khách quan, độc lập, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

Công tác dân vận được chú trọng; hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ
chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới, mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân được tăng cường. Công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí được tập trung chỉ đạo, tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp.

**VI. PHÁT HUY TINH THẦN ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC HIỆN NAY**

Kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước là dịp chúng ta ôn lại những trang sử hào hùng của dân tộc, nhìn lại chặng đường phấn đấu xây dựng và phát triển đất nước; đồng thời nhận thức sâu sắc hơn giá trị, những bài học kinh nghiệm được tổng kết từ trong thực tiễn đấu tranh của dân tộc để tiếp thêm sức mạnh, ý chí quyết tâm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, biến những thành tựu vẻ vang trong quá khứ thành động lực để hoàn thành sứ mệnh lịch sử trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình, phát triển phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, thịnh vượng của dân tộc Việt Nam.

**1.** Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng. Gắn kết chặt chẽ tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận với xây dựng và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**2.** Nhận diện sớm, phát huy nhanh mọi thời cơ, thuận lợi, vượt qua mọi khó khăn, thách thức để tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chiến lược, trong đó: Phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa, con người là nền tảng; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên. Khơi dậy mạnh mẽ trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta lòng yêu nước cách mạng, tinh thần *“tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc”*, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vững bước vào kỷ nguyên mới, đạt mục tiêu chiến lược đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

**3.** Đẩy mạnh, xây dựng, hoàn thiện thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước, kiên quyết tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông và giải phóng mọi nguồn lực, phát huy mọi động lực. Đổi mới mạnh mẽ, hiệu quả mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao. Tự chủ chiến lược phát triển; phát huy nguồn nội lực là chủ đạo, nguồn lực quốc tế là quan trọng; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển. Đồng bộ và đột phá trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; tập trung phát triển lực lượng sản xuất mới (kết hợp giữa nguồn nhân lực chất lượng cao với tư liệu sản xuất mới, hạ tầng chiến lược về giao thông, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh) gắn với hoàn thiện quan hệ sản xuất. Đẩy mạnh công nghệ chiến lược, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo làm động lực chính cho phát triển.

**4.** Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng; tăng cường kiểm soát quyền lực, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tiếp tục nghiên cứu, sắp xếp tinh gọn đơn vị hành chính các cấp; hoàn thiện nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị gắn với cơ cấu lại và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Kiên định lập trường, quan điểm và thực hành “Dân là gốc”, “Nhân dân là chủ thể, trung tâm của công cuộc đổi mới”, thắt chặt mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân; tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng; thực hiện nhất quán nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân; bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, vai trò làm chủ và chủ thể của Nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giai đoạn mới.

Đổi mới mạnh mẽ việc ban hành và quán triệt, thực hiện nghị quyết của Đảng; xây dựng các tổ chức cơ sở đảng, đảng viên; đổi mới công tác kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động của Đảng và Nhà nước. Đổi mới quy trình xây dựng, tổ chức thực hiện pháp luật trên cơ sở bám sát thực tiễn, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền với phương châm "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm"; cải cách triệt để thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp. Tập trung kiểm soát quyền lực trong xây dựng pháp luật, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu, kiên quyết phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "lợi ích nhóm". Chủ động, tích cực, khẩn trương xây dựng hành lang pháp lý cho những vấn đề mới, xu hướng mới, tạo khung khổ pháp lý để thực hiện thành công cuộc cách mạng về chuyển đổi số, tạo đột phá cho phát triển đất nước những năm tiếp theo.

**5.** Luôn giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng; sự quản lý, điều hành tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng “thế trận lòng dân”, lấy “yên dân” là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kiên quyết, kiên trì, chủ động tạo lập thời cơ, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và điều kiện thuận lợi để xây dựng, phát triển đất nước. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tăng cường đầu tư thích đáng cho việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; giữ nước từ khi nước chưa nguy; tuyệt đối không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

**6.** Giữ vững độc lập tự chủ, bảo đảm cao nhất lợi ích của quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế. Kiên trì và sáng tạo thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, hiệu quả. Chủ động tham gia vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; phấn đấu trở thành thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, vì lợi ích chung của hòa bình, hợp tác, phát triển của khu vực và trên thế giới./.

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, H 2011, tập 6 (1949-1950), tr 311. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, NXB Chính trị quốc gia ST, HN 2004, T34, tr 642. [↑](#footnote-ref-2)
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, HN 2001, T15, tr225. [↑](#footnote-ref-3)
4. Hồ Chí Minh, toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, H.2011, tập 14 (1963-1965), tr 577. [↑](#footnote-ref-4)
5. Hồ Chí Minh, toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, H.2011, tập 15 (1966-1969), tr 131. [↑](#footnote-ref-5)
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, HN 2004, tập 34, tr 661. [↑](#footnote-ref-6)
7. Mệnh lệnh ngày 7/4/1975 của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Điện số 157-H-TK, số lưu 450/ĐB - Cục Cơ yếu, Bộ Tổng Tham mưu – Bộ Quốc phòng.* [↑](#footnote-ref-7)
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, HN 2004, tập 37, tr457. [↑](#footnote-ref-8)
9. Đức Thọ, Nghi Xuân, Can Lộc, Thạch Hà, Hương Khê, Hương Sơn, Kỳ Anh,Cẩm Xuyên và thị xã Hà Tĩnh. [↑](#footnote-ref-9)